

Số: **287** /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020 năm 2017

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV	Số:.....11562.....
DẪN	Ngày: 18/12/17
	Chủ đề:.....3983/BKHCN

Thực hiện đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ tại Công văn số BKHCN-VCLCS ngày 24/11/2016 về việc báo cáo năm 2017 về tình hình thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo như sau:

I. Tình hình tổ chức triển khai thực hiện chiến lược

Thực hiện Nghị quyết số 20 - NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX, Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020, Quyết định số 1318/QĐ-BKHCN ngày 05/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu giai đoạn 2016 - 2020, Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 05/4/2013 thực hiện Nghị quyết số 20 - NQ/TW ngày 01/11/2012, UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 và đã tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch này.

II. Kết quả thực hiện Chiến lược

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) trong năm 2017

- Đầu tư của địa phương từ NSNN năm 2017 cho sự nghiệp khoa học và công nghệ là 20.369 triệu đồng và đầu tư ngoài ngân sách cho KH&CN ước tính 19.000 triệu đồng

- Số tổ chức KH&CN theo các thành phần công lập, ngoài công lập và theo các lĩnh vực hoạt động KH&CN (chi tiết tại Bảng 1).

Bảng 1. Thống kê các tổ chức KH&CN

Tổ chức KH&CN trực thuộc	Tổng số	Theo lĩnh vực nghiên cứu KH&CN						Theo loại hình kinh tế		
		Khoa học tự nhiên	Khoa học kỹ thuật và công nghệ	Khoa học y, dược	Khoa học nông nghiệp	Khoa học xã hội	Khoa học nhân văn	Nhà nước	Ngoài nhà nước	Có vốn đầu tư nước ngoài
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Cơ quan quản lý nhà nước	07									
+ Trung tâm tư vấn, dịch vụ phát triển Khoa học và Công nghệ Quảng Ngãi										
+ Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KH-CN Quảng Ngãi			x		x			x		
+ Trung tâm Trắc địa và Quan trắc Môi trường tỉnh Quảng Ngãi		X	x					x		
+ Trung tâm CNTT và Truyền thông Quảng Ngãi			x					x		
+ Trung tâm Kỹ thuật quan trắc môi trường Dung Quất		X	x					x		
+ Trung tâm Giống cây trồng vật nuôi Quảng Ngãi					x			x		
+ Trung tâm giống thủy sản Quảng Ngãi					x			x		
Trường học các cấp (đại học, cao đẳng, dạy nghề, phổ thông các cấp)	01									
+ Trung tâm Nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao			x			x			x	

- Số cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ phân theo trình độ được đào tạo và lĩnh vực hoạt động (làm quản lý, nghiên cứu, giảng dạy).

Bảng 2. Thống kê số cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Số cán bộ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc	Tổng số	Chia theo trình độ					Chức danh	
		TSKH và TS	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Khác	Giáo sư	Phó Giáo sư
1	2	3	4	5	6	7	8	
Cơ quan quản lý nhà nước	24.595	19	953	12.195	6.011	5.417	-	-

- Số doanh nghiệp KH&CN được cấp giấy chứng nhận trong năm 2017: 03

2. Kết quả thực hiện các định hướng nhiệm vụ phát triển KH&CN trong năm 2017

Tổ chức triển khai 41 nhiệm vụ, trong đó: 27 nhiệm vụ từ năm 2016 chuyển sang, 14 nhiệm vụ thực hiện mới năm 2017. Nhìn chung, các đơn vị chủ trì nhiệm vụ đã bám sát đề cương được duyệt triển khai thực hiện đạt tiến độ, nội dung công việc đề ra.

a) Lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn:

Với các 23 nhiệm vụ khoa học và công nghệ ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, như: xây dựng vùng chuyên canh rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGAP, mô hình phát triển chăn nuôi bò thành nghề sản xuất chính của nông hộ, chuyển giao công nghệ chăn nuôi heo trên nền đệm lót sinh học (ứng dụng công nghệ lên men vi sinh vật), thực nghiệm các giải pháp kỹ thuật trong canh tác tỏi (canh tác tỏi không bổ sung đất, không thay cát), thử nghiệm công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá ngựa đen (*Hippocampus kuda* Pleeker 1852) tại tỉnh Quảng Ngãi,... Một số kết quả triển khai bước đầu như sau:

Trung tâm Giống tỉnh đã triển khai 02 thí nghiệm, gồm: Thí nghiệm tập đoàn chọn dòng ưu tú (0,2ha, 01 vụ) và Thí nghiệm so sánh, đánh giá các dòng ưu tú 0,3ha (0,1ha x 03 điểm). Thực hiện khảo nghiệm VCU cho 03 giống lúa (Khảo nghiệm cơ bản và khảo nghiệm sản xuất) để chọn tạo và phát triển một số giống lúa mới ngắn ngày, có năng suất cao, phẩm chất gạo tốt phục vụ sản xuất để tăng thu nhập cho nông dân Quảng Ngãi và một số tỉnh khu vực miền Trung

Để bổ sung đối tượng nuôi mới vào cơ cấu nuôi trồng trên địa bàn tỉnh, Trung tâm Khuyến nông tỉnh thực hiện thử nghiệm công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá ngựa đen (*Hippocampus kuda* Pleeker 1852) tại tỉnh Quảng Ngãi. Năm 2017, tiến hành thử nghiệm quy trình kỹ thuật sản xuất giống cá ngựa đen, kết quả đã sản xuất được 6.144 con cá giống; thử nghiệm quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm cá ngựa đen trong lồng tại huyện Lý Sơn và huyện Đức Phổ, sau 6 tháng nuôi, kết quả đã nuôi thương phẩm được 2875 con cá ngựa đen thương phẩm đạt kích cỡ bình quân 12,3 cm/con, tỷ lệ sống đạt 60%.; thử nghiệm nuôi cá ngựa đen thương phẩm trong bể xi măng: Tiến hành thả 5.000 con giống, qua quá trình theo dõi cá sinh trưởng bình thường. Tổ chức xây dựng hướng dẫn quy trình kỹ thuật nuôi cá ngựa đen bằng lồng bè và tập huấn kỹ thuật nuôi thương phẩm cá ngựa đen tại Quảng Ngãi cho 60 lượt nông dân.

Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ Nông Tín, doanh nghiệp khoa học và công nghệ đầu tiên trong lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi

đã ứng dụng kỹ thuật sản xuất lúa gạo hữu cơ chất lượng cao tại Quảng Ngãi. Năm 2017, doanh nghiệp đã thực hiện xây dựng mô hình lúa hữu cơ thương phẩm: 30ha (Mô hình sản xuất sử dụng giống lúa BM125: 20 ha; và mô hình sản xuất sử dụng giống lúa LĐ1: 10 ha). Tuy nhiên, cơ quan chủ trì đề nghị chuyển 10,175 ha diện tích sản xuất lúa hữu cơ trong vụ Hè-Thu năm 2017 (gồm: diện tích sản xuất sử dụng giống lúa LĐ1 là 2,9 ha và diện tích sản xuất sử dụng giống lúa BM125 là 7,275 ha) sang năm 2018 thực hiện. Tổng diện tích sản xuất năm 2017 là 19,825 ha (cụ thể: Diện tích sản xuất sử dụng giống lúa LĐ1 là 7,1 ha; diện tích sản xuất sử dụng giống lúa BM125 là 12,725 ha). Tiến hành do tạo kỹ thuật viên cơ sở (KTV) 20 người; tập huấn cho nông dân về kỹ thuật thâm canh lúa hữu cơ với 300 lượt người tham dự; tổ chức 01 Hội nghị đầu bờ cho nông dân trong và ngoài dự án để tham quan, đánh giá, nhân rộng mô hình (với 100 lượt người tham dự).

Thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015 -2020, hoạt động khoa học và công nghệ đã góp phần đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng với các dự án ứng dụng, như: Ứng dụng các giải pháp kỹ thuật thực hiện tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp tại Hợp tác xã Dịch vụ nông nghiệp Đức Vĩnh, xã Đức Phú, huyện Mộ Đức. Dự án đã triển khai xây dựng mô hình canh tác cây ngô trên đất lúa vụ hè thu với quy mô: 15 ha, năng suất đạt 65 tạ/ha; mô hình canh tác cây Lạc trên đất lúa vụ hè thu với quy mô: 50 ha, năng suất đạt 30 tạ/ha và mô hình canh tác cây Mè trên đất lúa vụ hè thu với quy mô: 15 ha, năng suất đạt 10 tạ/ha. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ cho dân, gồm: Hướng dẫn kỹ thuật canh tác cây ngô trên đất lúa; Hướng dẫn kỹ thuật canh tác cây lạc trên đất lúa; Hướng dẫn kỹ thuật canh tác cây mè trên đất lúa. Tập huấn kỹ thuật canh tác cây Ngô, Lạc, Mè cho người 220 lượt nông dân tham gia dự án.

Để nâng cao hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích đất sản xuất nông nghiệp ở xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, UBND xã Tịnh Bắc đã ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng các mô hình, gồm: mô hình canh tác lúa theo hướng giảm chi phí đầu vào sản xuất theo cơ cấu lúa với 60 ha; mô hình chuyển đổi đất 2 vụ lúa sang trồng 01 vụ lúa và 01 vụ màu theo cơ cấu lúa với quy mô 20 ha; mô hình thâm canh tổng hợp cây sắn với quy mô 10 ha; mô hình chuyển đổi đất trồng sắn sang trồng cỏ phục vụ chăn nuôi bò thịt với quy mô 5 ha. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ cho dân, gồm: Hướng dẫn kỹ thuật canh tác lúa theo hướng giảm chi phí đầu vào sản xuất; Hướng dẫn kỹ thuật thâm canh tổng hợp cây sắn; Hướng dẫn kỹ thuật trồng cỏ chăn nuôi bò thịt; Hướng dẫn kỹ thuật canh tác ngô trên đất lúa. Tổ chức tập huấn kỹ thuật sản xuất lúa, ngô sắn và trồng cỏ nuôi bò cho 100 lượt nông dân.

Trong chăn nuôi, Trạm Khuyến nông huyện Đức Phổ đã xây dựng mô hình phát triển chăn nuôi bò thành nghề sản xuất chính của nông hộ trên địa

bàn huyện Đức Phổ. Trạm Khuyến nông huyện đã chuyển giao và hoàn chỉnh 05 hướng dẫn kỹ thuật cho dân, gồm: Lai tạo giống và biện pháp nâng cao tỷ lệ thụ thai trong TTNT bò; Kỹ thuật chăn nuôi bò cái lai Zê bu sinh sản; Kỹ thuật chăn nuôi bê lai hướng thịt; Kỹ thuật trồng các giống cỏ năng suất cao; Biện pháp phòng chống bệnh trong chăn nuôi bò.

Nhằm từng bước xóa bỏ các tập quán chăn nuôi cũ, phát triển chăn nuôi trâu hàng hóa theo hướng bền vững và nâng cao nhận thức của đồng bào dân tộc H're, đẩy mạnh áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào chăn nuôi, cải tạo đàn trâu địa phương, nâng cao tầm vóc, tăng trọng, nâng cao năng suất, chất lượng đàn trâu và tăng thu nhập cho đồng bào dân tộc H're ở huyện Minh Long, UBND huyện Minh Long đã tiến hành điều tra, đánh giá thực trạng đàn Trâu và tình hình chăn nuôi của địa phương; Tổ chức 03 lớp tập huấn kỹ thuật chăn nuôi trâu đực giống và trâu cái sinh sản trong vùng dự án cho 147 lượt người; Đào tạo 14 kỹ thuật viên cơ sở; mua 07 trâu đực giống; tổ chức 20 vườn trồng cỏ VA06 với diện tích 4.000 m²; hỗ trợ vật tư để người dân làm 20 chuồng kiên cố, đúng quy cách.

Thực hiện Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 05/9/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án khung các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen cấp tỉnh trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2020. Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ đã tuyển chọn, nuôi lưu giữ ổn định 130 con gà mái, 20 con gà trống H're thuần chủng và 05 heo đực, 45 heo cái Kiêng Sắt thuần chủng.

Đối với nhiệm vụ “Nghiên cứu lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống cây quế bản địa Trà Bồng tại Quảng Ngãi và đánh giá kết quả bảo tồn”, năm 2017 Chi cục Kiểm lâm tỉnh tiếp tục theo dõi triển khai thực hiện nhằm bảo tồn lưu trữ nguồn gen giống cây Quế bản địa Trà Bồng tại tỉnh Quảng Ngãi, tạo nguồn giống ổn định có chất lượng cao cho việc sản xuất tại địa phương, góp phần làm giàu quỹ gen giống Quế đặc sản có giá trị kinh tế cao tại tỉnh Quảng Ngãi.

b) Lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường

Nhằm hạn chế gây ra ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi, Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ đã thực hiện dự án “Chuyển giao công nghệ chăn nuôi heo trên nền đệm lót sinh học (ứng dụng công nghệ lên men vi sinh vật) cho hộ chăn nuôi”, với mục tiêu đề ra là chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ chăn nuôi heo trên nền đệm lót sinh học cho các hộ chăn nuôi ở các địa phương trên địa bàn tỉnh để chăn nuôi không gây ô nhiễm môi trường, không ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân, đem lại hiệu quả kinh tế, phát triển ngành chăn nuôi heo bền vững. Đến nay, dự án đã được Hội đồng khoa học và công nghệ nghiệm thu và đánh giá có khả năng để nhân rộng mô hình ra trên địa bàn toàn tỉnh trong thời gian tới.

Để góp phần phục hồi rạn san hô trong Khu bảo tồn biển ở Lý Sơn, đã thực hiện dự án “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trồng phục hồi rạn san hô khu vực biên ven bờ huyện đảo Lý Sơn”, với mục tiêu đề ra là phục hồi và quản lý rạn san hô phù hợp với điều kiện sinh thái, kinh tế - xã hội của huyện đảo Lý Sơn, gồm: đánh giá khả năng phục hồi và quản lý rạn san hô vùng ven biển ven bờ đảo Lý Sơn trên cơ sở phân tích hiện trạng rạn san hô, đưa ra giải pháp phục hồi và tính khả thi trong thực thi quản lý; xây dựng mô hình trồng phục hồi rạn san hô ở Lý Sơn, quy mô 2 ha (trong phạm vi dự án quy hoạch khu bảo tồn biển Lý Sơn) và quản lý hệ sinh thái rạn san hô nhằm tái tạo nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường và phục vụ du lịch sinh thái biển.

c) Lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng trong lĩnh vực này là tạo lập cứ liệu khoa học cho việc đề xuất những giải pháp giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra trong công tác quản lý cũng như xã hội. Năm 2017, tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về tình hình bạo lực gia đình ở tỉnh Quảng Ngãi; Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện các nhóm giải pháp trong công tác phòng chống tham nhũng ở tỉnh Quảng Ngãi; Suu tầm, dịch thuật, phân loại và đánh giá tư liệu Hán Nôm ở Quảng Ngãi; đề xuất giải pháp phát huy vai trò của doanh nghiệp đối với sự phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Quảng Ngãi;... Một số kết quả đạt được:

Để có những giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động phòng cháy, chữa cháy ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành thiết kế mẫu phiếu điều tra, xây dựng kế hoạch điều tra, lập báo cáo kết quả điều tra. Tổ chức xây dựng thí điểm 4 mô hình phòng cháy, chữa cháy ở cơ sở, gồm: Tổ dân phố an toàn về PCCC tại Tổ 5, phường Nguyễn Nghiêm và Chợ kiêu mẫu an toàn về phòng cháy, chữa cháy tại chợ huyện Đức Phổ. Kiện toàn 02 mô hình phòng cháy, chữa cháy ở cơ sở, gồm: Thôn an toàn về phòng cháy, chữa cháy tại thôn Định Tân, xã Bình Châu, huyện Bình Sơn và Cụm công nghiệp an toàn về phòng cháy tại thị trấn La Hà, huyện Tư Nghĩa.

Năm 2017, Trường Đại học Kinh tế - Luật (Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh) đã tiến hành thập, tổng thuật tài liệu, nghiên cứu viết 14 chuyên đề về luận cứ khoa học về vai trò của doanh nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi, trong đó nhấn mạnh đến các khía cạnh của phát triển bền vững gồm: tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường; Đánh giá thực trạng phát triển và đóng góp của doanh nghiệp vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi thông qua quá trình khảo sát, xử lý số liệu, phân tích và so sánh với những chỉ tiêu và kinh nghiệm của một số nền kinh tế, địa phương làm cơ sở cho việc đề xuất giải pháp phát huy vai trò của doanh nghiệp đối với sự phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Quảng

Ngãi. Qua đó, xác định các định hướng cần ưu tiên thu hút đầu tư phát triển doanh nghiệp ở các khu vực và ngành kinh tế; đề xuất các nhóm giải pháp cụ thể phát huy vai trò của doanh nghiệp trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Để sưu tầm, dịch thuật, phân loại và đánh giá tư liệu Hán Nôm ở Quảng Ngãi, năm 2017 Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Ngãi xây dựng kế hoạch sưu tầm, dịch thuật, phân loại và đánh giá các tư liệu Hán Nôm còn tản mát ở các địa phương trong tỉnh. Nghiên cứu viết các chuyên đề về vai trò, giá trị của tư liệu Hán Nôm trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Thực trạng công tác sưu tầm, bảo tồn và phát huy tư liệu Hán Nôm tại Quảng Ngãi trong những năm qua. Là một trong các cơ sở khoa học đề ra giải pháp bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị tư liệu Hán Nôm tại Quảng Ngãi.

Để đề xuất giải pháp nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng các xã ven biển, hải đảo tỉnh Quảng Ngãi trong phát triển kinh tế gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc, Trường Chính trị tỉnh Quảng Ngãi tập trung nghiên cứu và xây dựng các chuyên đề lý luận và thực tiễn về vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng ở các xã ven biển, hải đảo tỉnh Quảng Ngãi trong phát triển kinh tế gắn với bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc; đánh giá thực trạng hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng các xã ven biển, hải đảo tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn hiện nay.

d) Lĩnh vực kỹ thuật công nghệ

Trường Cao đẳng kỹ thuật công nghệ Dung Quất đã tổ chức thực hiện bước thiết kế kỹ thuật của máy cắt Plasma, Oxy CNC dạng trung bình, gồm: Tổ chức nghiên cứu các quá trình động học và động lực học của máy cắt làm cơ sở lựa chọn các thông số điều khiển máy. Từ đó tính toán và lựa chọn hệ thống dẫn động cho máy; Thiết kế kết cấu máy theo từng môđun: bàn cắt, bộ phận giữ đầu cắt, xà ngang, xà dọc, hệ thống dẫn động, bàn điều khiển, bánh răng thanh răng, trục vít me...; Thiết kế lắp đặt các trục dẫn động của máy cắt nhằm đơn giản hóa cho việc lắp đặt, thay thế và bảo trì; Thiết kế hệ thống môi lửa tự động và bằng tay, nhằm làm đa dạng hóa tính năng môi lửa của máy cũng như phù hợp với từng đối tượng cụ thể khi sử dụng máy; Lựa chọn phương án điều khiển, xây dựng thuật toán điều khiển và thiết kế mạch điều khiển.

Trường Đại học Phạm Văn Đồng đã phối hợp với các tổ chức trong việc điều tra khảo sát thu thập số liệu; tài liệu; Phân tích động lực học chi dưới của con người và động lực học các khâu dẫn động làm cơ sở cho việc thiết kế chế tạo thiết bị hỗ trợ tập phục hồi chức năng chi dưới. Bước đầu đã đề xuất phương án thiết kế cơ cấu cơ khí cho thiết bị; Đề xuất phương án điều khiển cho thiết bị; Phân tích và chọn phương án điều khiển cho thiết bị; Phân tích

và đánh giá các kết cấu của thiết bị bằng phần mềm và đưa ra phương án thiết kế kết cấu cơ khí cho thiết bị.

Để ứng dụng công nghệ thông tin thí điểm xây dựng mô hình quản lý, vận hành hệ thống tưới nước tự động trên một phần diện tích tưới của kênh NVC2 thuộc hệ thống kênh chính Nam Thạch Nham tại xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, Chi cục Thủy lợi đã tiến hành điều tra, khảo sát tổng hợp, thu thập các tài liệu, số liệu khu tưới mẫu phục vụ cho công việc thực hiện dự án, gồm: Điều tra hiện trạng công trình thủy lợi, hệ thống kênh chính Nam Thạch Nham tại xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi; Thu thập dữ liệu bản đồ khu tưới: Hệ thống kênh, công trình trên kênh, bản đồ giải thửa; Khảo sát thực địa phục vụ thiết kế lắp đặt các trạm thiết bị khu tưới; Thu thập dữ liệu cây trồng: dữ liệu cơ cấu cây trồng, thời gian sinh trưởng, hệ số sinh trưởng của cây trồng; Thu thập dữ liệu đất trồng: loại đất, đặc tính cơ lý của đất; Thu thập dữ liệu khí tượng thủy văn: dữ liệu mưa, nhiệt độ, lượng bốc hơi... phục vụ tính toán nhu cầu tưới; Khảo sát xác định vị trí điểm vào mặt ruộng. Xây dựng báo cáo điều tra, khảo sát tổng hợp, thu thập các tài liệu, số liệu khu tưới mẫu phục vụ cho công việc thực hiện dự án. Mua sắm thiết bị công nghệ lắp đặt tại hệ thống cửa van và thiết bị điều khiển khu thí điểm và thiết bị công nghệ lắp đặt tại hệ thống cửa van và thiết bị điều khiển khu đối chứng.

Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-TU ngày 5/12/2016 của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2016-2020, nhiệm vụ nhân rộng cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3 trở lên trên địa bàn tỉnh là hết sức thiết thực trong giai đoạn hiện nay, phục vụ tích cực vào cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, góp phần xây dựng chính quyền điện tử; góp phần giải quyết nhanh các thủ tục hành chính; giảm bớt phiền hà, tăng cường minh bạch thông tin. Năm 2017, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông Quảng Ngãi đã tiến hành khảo sát thu thập thông tin, dữ liệu, đánh giá hiện trạng ứng dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2016 làm cơ sở xây dựng và phát triển phần mềm dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 3 để các cơ quan, đơn vị trong tỉnh thực hiện cung cấp dịch vụ công cho tổ chức, công dân qua môi trường mạng internet.

e) Đánh giá chung

Năm 2017, Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN tập trung hướng vào phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, gắn với xây dựng nông thôn mới. Trong đó, các dự án ứng dụng KH&CN bước đầu đã đạt được những kết quả có giá trị, phát huy hiệu quả nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống của người dân. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp đã

giữ vai trò quan trọng và là động lực cho sự phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững. Việc thực hiện các nhiệm vụ bảo tồn nguồn gen đã góp phần bảo tồn và phát triển giống cây trồng vật nuôi bản địa quý hiếm của tỉnh nhà. Cung cấp cơ sở khoa học triển khai các dự án quy mô lớn, ứng dụng tổng hợp các tiến bộ khoa học và công nghệ từ khâu sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm, bước đầu hình thành chuỗi giá trị gia tăng và phát triển theo hướng bền vững. Kết quả nghiên cứu đều đạt được nội dung, mục tiêu đề ra, trong đó các dự án khoa học và công nghệ đã chuyển giao ứng dụng thành công trong thực tiễn sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và tăng thu nhập cho người dân và được chính quyền địa phương đồng thuận, hướng ứng, người dân tham gia nhiệt tình. Các sản phẩm khoa học sau khi nghiệm thu đã được chuyển giao cho các sở ban ngành, đơn vị liên quan khai thác, sử dụng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 của tỉnh Quảng Ngãi.

3. Tình hình thực hiện các giải pháp phát triển KH&CN

Triển khai việc đổi mới cơ chế sử dụng ngân sách nhà nước cho KH&CN, huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho KH&CN. Trên tinh thần đổi mới của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; các Thông tư hướng dẫn thi hành và một số văn bản có liên quan, hoạt động khoa học và công nghệ bên cạnh ngân sách nhà nước đã tập trung huy động nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

III. Tồn tại và khó khăn trong triển khai thực hiện chiến lược

1. Tồn tại và khó khăn

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi vẫn còn một số hạn chế cần phải khắc phục, như:

So với yêu cầu, những đóng góp của khoa học và công nghệ Quảng Ngãi vẫn chưa tương xứng. Sự đóng góp trực tiếp của khoa học và công nghệ trong việc tạo ra sản phẩm hàng hóa chưa cao.

Nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ hiện tại chưa lồng ghép được các chương trình phát triển kinh tế-xã hội khác ở địa phương. Hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi cũng chưa huy động được tối đa sự đóng góp của các cơ sở nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ trên địa bàn.

Việc nghiên cứu phát hiện vấn đề và khả năng giải quyết các vấn đề khoa học lớn có tác động trực tiếp nhằm đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế của tỉnh luôn là bài toán khó. Công tác tổng kết thực tiễn đối với các đề tài khoa học xã hội và nhân văn ở địa phương còn

yếu, chưa khái quát thành những luận điểm khoa học của các nhân tố mới trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Lực lượng chuyên gia có trình độ chuyên môn cao làm việc tại địa bàn tỉnh còn ít, cũng như chưa có các cơ sở khoa học mạnh trên địa bàn.

Cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu ứng dụng, thí nghiệm, kiểm nghiệm thiếu đồng bộ; đầu tư đổi mới công nghệ, và phát triển tài sản trí tuệ chưa tạo được sự quan tâm thường xuyên của cộng đồng doanh nghiệp; các giải pháp hữu hiệu để thúc đẩy đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp.

2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân chủ quan:

Một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa nhận thức sâu sắc về vai trò, vị trí của khoa học và công nghệ là động lực trực tiếp của sự phát triển kinh tế - xã hội nên chưa thực sự quan tâm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phối hợp tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ. Các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, các doanh nghiệp chưa coi trọng công tác KH&CN, thiếu sự chỉ đạo thường xuyên việc tổ chức thực hiện nghiên cứu ứng dụng KH&CN phục vụ nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của ngành, lĩnh vực, địa phương mình quản lý nên tác động KH&CN đến phát triển kinh tế-xã hội chưa rõ nét. Việc đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư cho hoạt động KH&CN còn nhiều khó khăn. Năng lực, trình độ công nghệ và đầu tư đổi mới công nghệ trong các doanh nghiệp còn hạn chế; chưa mạnh dạn đầu tư đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ, còn tư tưởng trông chờ vào nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ. Hiện nay, Luật Khoa học và Công nghệ quy định bắt buộc các doanh nghiệp nhà nước phải trích 10% lợi nhuận trước thuế thành lập Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp và khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trích lợi nhuận trước thuế để thành lập Quỹ hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. Tuy nhiên, đến nay mới chỉ có 03 doanh nghiệp thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, gồm: Công ty CP Đường Quảng Ngãi và Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn và Công ty TNHH MTV Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi.

b) Nguyên nhân khách quan:

Do tiềm lực khoa học và công nghệ của tỉnh còn nhiều hạn chế cả về con người và cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng; thiếu những cán bộ, chuyên gia giỏi trong nhiều lĩnh vực khoa học và công nghệ; đặc biệt rất thiếu cơ sở nghiên cứu khoa học, ngay cả tại các Trường đại học trên địa bàn tỉnh; thiếu những chương trình mục tiêu và cơ chế chính sách cụ thể, phù hợp (nhất là cơ chế chính sách khuyến khích về tài chính,

huy động, lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế-xã hội) để triển khai nhân rộng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống. Mặt khác, việc phát triển mạnh mẽ có hiệu quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ là những vấn đề khó, đòi hỏi sự tập trung đầu tư nhiều về trí tuệ và sự phối hợp đồng bộ của các ngành, các cấp.

IV. Kiến nghị

Để thúc đẩy và nâng cao hiệu quả triển khai Chiến lược KH&CN trong giai đoạn 2016-2020, tỉnh Quảng Ngãi kiến nghị một số nội dung:

- Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tạo điều kiện để tỉnh Quảng Ngãi tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia, đặc biệt các nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển công nghệ cao, Chương trình nông thôn miền núi.

- Sớm ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu trình Chính phủ và Quốc hội nâng mức đầu tư cho sự nghiệp khoa học và công nghệ đạt 2%.


- Nghiên cứu thay thế Thông tư 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp.

Trên đây là báo cáo của UBND tỉnh Quảng Ngãi, kính đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lưu VPUB: CVP, PCVP (VX), VX, MMTN, CB;
- Lưu: VT, CNXD.pbc527

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
ĐẠI BIỂU CHỦ TỊCH



The seal is circular with a five-pointed star in the center. The text around the star reads 'ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI' and '1975' at the bottom.

Đặng Ngọc Dũng